

Số: 8065/BKHĐT-QLQH

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

V/v tham gia ý kiến góp ý về dự
thảo Quy hoạch không gian biển
quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm
nhìn đến năm 2045.

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phúc đáp văn bản số 3259/BTNMT-TCBHĐVN ngày 13/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch không gian biển quốc gia). Ngày 13/10/2022 Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 7326/BKHĐT-QLQH gửi Quý Bộ về việc xác định độ mật khi trả lời văn bản số 3259/BTNMT-TCBHĐVN; tuy nhiên, đến ngày 03/11/2022 Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của Quý Bộ. Trên cơ sở văn bản số 3259/BTNMT-TCBHĐVN, sau khi nghiên cứu, xem xét, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

I. NHẬN XÉT CHUNG

1. Về thành phần hồ sơ

Hồ sơ lấy ý kiến về Quy hoạch không gian biển quốc gia bao gồm: Báo cáo quy hoạch (báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt) và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đề nghị Cơ quan lập quy hoạch bổ sung hệ thống sơ đồ, bản đồ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch (Nghị định số 37/2019/NĐ-CP).

Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 21 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu Quy hoạch không gian biển quốc gia.

Báo cáo và hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia phải có chữ ký và đóng dấu của Cơ quan lập quy hoạch, đơn vị tư vấn trước khi trình thẩm định.

2. Về nội dung hồ sơ lấy ý kiến quy hoạch

a) Về kết cấu của báo cáo

Kết cấu của Báo cáo Quy hoạch không gian biển quốc gia nhìn chung phù hợp với yêu cầu được quy định của pháp luật về quy hoạch; tuy nhiên, cần rà soát, sắp xếp lại một số nội dung theo trình tự đã được quy định tại Điều 23 Luật Quy hoạch và Điều 21 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

b) Về nội dung của Quy hoạch không gian biển quốc gia

Báo cáo Quy hoạch không gian biển quốc gia đã cơ bản bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24/7/2020. Trong đó: (i) Nội dung về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động đến sử dụng không gian biển: Báo cáo đã phản ánh tương đối đầy đủ về các yếu tố điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế-xã hội, thực trạng tài nguyên môi trường biển và vùng ven biển; bên cạnh đó báo cáo cũng đã có những phân tích về bối cảnh trực tiếp tác động đến thực trạng sử dụng không gian biển hiện nay; (ii) Nội dung về thực trạng sử dụng không gian biển: Báo cáo đã thể hiện cơ bản đầy đủ các nội dung về thực trạng sử dụng không gian biển của các lĩnh vực liên quan như: Quốc phòng, an ninh; bảo tồn, bảo vệ hệ sinh thái; phát triển các ngành kinh tế...và đưa ra được những vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong việc khai thác và sử dụng không gian biển hiện nay; (iii) Phần dự báo xu thế biến động, bối cảnh và các kịch bản phát triển: Báo cáo đã phân tích xu thế biến động của tài nguyên và môi trường, các tác động của BĐKH, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường; xác định xu thế phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, quan hệ quốc tế trên thế giới và khu vực tác động tới các hoạt động sử dụng không gian biển. Trên cơ sở đó, Báo cáo đã xây dựng các kịch bản, luận chứng các kịch bản, trên cơ sở phân tích đã lựa chọn được phương án tăng trưởng trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030; (iv) Từ phương án tăng trưởng, Báo cáo đã xây dựng quan điểm, mục tiêu phát triển, phương hướng bố trí không gian, phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia Việt Nam.

Tuy nhiên, để đảm bảo các nội dung của Báo cáo quy hoạch không gian biển quốc gia được đồng bộ, đầy đủ, chặt chẽ, logic và khoa học, đồng thời tuân thủ đúng quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, đề nghị sắp xếp lại bố cục, tên các tiêu đề, đề mục và các nội dung nghiên cứu cho phù hợp.

c) Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Quy hoạch không gian biển quốc gia thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược. Thành phần, kết cấu nội dung chính Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch không gian biển quốc gia cơ bản thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh Báo cáo quy hoạch không gian biển quốc gia, Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm giải trình, tiếp thu và tiếp tục hoàn thiện Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

d) Hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu thể hiện nội dung quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch chưa gửi hệ thống sơ đồ, bản đồ kèm theo, vì vậy Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có cơ sở để cho ý kiến nội dung này.

II. NỘI DUNG THAM GIA CỤ THỂ

1. Phần mở đầu

1.1. Sự cần thiết lập quy hoạch không gian biển quốc gia

Về sự cần thiết lập quy hoạch, đề nghị viết súc tích hơn, trong đó nêu lên được mối quan hệ giữa Quy hoạch không gian biển quốc gia và các Nghị quyết, chiến lược phát triển của đất nước hiện nay; đề nghị bổ sung đánh giá tổng quan các tiềm năng, thế mạnh và tầm quan trọng về lĩnh vực an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo vệ môi trường, đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế và xung đột trong quá trình phát triển của các ngành, địa phương có địa giới hành chính trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch và vấn đề cần được giải quyết trong kỳ quy hoạch giai đoạn 2021-2030.

1.2. Căn cứ lập quy hoạch

Đề nghị rà soát lại các văn bản đã hết hiệu lực và bổ sung các văn bản mới thay thế, tách và phân loại văn bản thành mục riêng theo từng loại nhóm văn bản (Văn bản quy phạm pháp luật gồm: Luật; Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của các Bộ). Trong mỗi nhóm văn bản, đề nghị sắp xếp lại theo trình tự thời gian ban hành của văn bản. Nghiên cứu các văn bản để đưa nội dung định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực tương ứng, phù hợp với đặc thù, tính chất và điều kiện của tỉnh vào trong Báo cáo. Đề nghị bổ sung “Phụ lục 1” kèm theo Báo cáo quy hoạch để có căn cứ rà soát.

1.3. Thông tin quy hoạch không gian biển

- Đề nghị bổ sung phạm vi ranh giới lập quy hoạch gồm: Vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia Việt Nam.

- Về thời kỳ quy hoạch: Theo Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24/7/2020 của Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia nêu rõ thời kỳ quy hoạch “Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; tuy nhiên, dự thảo Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt gửi xin ý kiến thì thời kỳ quy hoạch “Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; đề nghị làm rõ.

- Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc lập Quy hoạch không gian biển quốc gia đã được xác định tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia; do vậy, đề nghị rà soát, sắp xếp lại các nội dung trong báo cáo quy hoạch đảm bảo cho phù hợp.

- Đề nghị bổ sung phương pháp lập quy hoạch.

- Đề nghị bỏ nội dung “Giới hạn của đề án QHKGB quốc gia”, nội dung này đưa vào nội dung báo cáo “tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của HĐTĐ”.

2. Các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động đến sử dụng không gian biển

2.1. Yếu tố, điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý: Đề nghị bổ sung các thông tin về ranh giới về diện tích trên đất liền, số lượng các đảo, quần đảo, diện tích biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia Việt Nam.

- Đề nghị chỉnh sửa trên bản đồ đường ranh giới thêm lục địa nổi liền, không đứt bỏ đoạn và nối vào ranh giới vùng chõng lán nếu có (bản đồ hình 1 đang bỏ trống khu vực biển đảo Hoàng Sa – chưa thể hiện được đầy đủ vùng biển đảo thuộc chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam).

- Đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng các hiện tượng thời tiết cực đoan theo chuỗi thời gian, kết hợp với các dự báo, kịch bản biến đổi khí hậu, làm cơ sở xây dựng các nội dung quy hoạch và giải pháp thực hiện cho phù hợp; đề nghị bổ sung đánh giá thiệt hại do hiện tượng thời tiết cực đoan đã gây ra ảnh hưởng đến kinh tế-xã hội và môi trường như thế nào (thiệt hại về người, đất sản xuất, cơ sở hạ tầng, đứt gãy chuỗi sản xuất, cuộc sống của người dân, môi trường sống, hệ sinh thái...), đặc biệt là các huyện ven biển, các huyện đảo.

- Nhận định chung: Bên cạnh những thuận lợi, tiềm năng và thế mạnh, đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá những khó khăn, thách thức đối với quốc gia có bờ biển trải dài như Việt Nam về một số mặt như: Tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xâm nhập mặn; bão, lũ lụt; sạt lở đất; đầu tư cơ sở hạ tầng...

2.2. Về yếu tố, điều kiện kinh tế - xã hội.

- Yếu tố, điều kiện kinh tế: Đề nghị làm rõ nguyên nhân GRDP năm 2020 của 28 tỉnh (có biển) giảm xấp xỉ 4 điểm % so với năm 2010, đặc biệt là các tỉnh vùng Đông Nam Bộ giảm 6,4 điểm %. Đề nghị bổ sung các số liệu GRDP, thu nhập bình quân/người của một số huyện trọng điểm có điều kiện phát triển kinh tế tốt, các huyện còn gặp nhiều khó khăn; đặc biệt, bổ sung các đánh giá, phân tích về thực trạng phát triển kinh tế, gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng của 12 huyện đảo hiện nay. Tại nội dung “Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế” đề nghị bổ sung đánh giá về vai trò và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển đối với các địa phương ven biển hiện nay.

- Yếu tố, điều kiện xã hội: Đề nghị bổ sung các phân tích, đánh giá về các ngành, lĩnh vực xã hội như: Lĩnh vực văn hóa, y tế, thể dục thể thao..., tại mục 2.1.2 “Lao động” (trang 38) đề nghị bổ sung phân tích tỷ lệ lao động không có việc làm, lao động có việc làm nhưng không thường xuyên và lao động chưa qua đào tạo hiện nay tại các huyện ven biển. Theo dẫn giải trong báo cáo thì phạm vi vùng đất ven biển “là các đơn vị hành chính cấp huyện giáp biển của 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu quy hoạch đến cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương có biển, các số liệu trong đưa ra trong báo cáo đang phản ánh cho cấp tỉnh. Vì vậy, đề nghị ngoài số liệu đến toàn tỉnh, cần bổ sung đánh giá thực trạng điều kiện kinh tế-xã hội của các huyện giáp biển, đây là vấn đề mấu chốt không thể bỏ qua của nội dung đánh giá thực trạng và đề xuất các phương án quy hoạch sau này; số liệu cấp tỉnh nên được đánh giá theo hướng là yếu tố ảnh hưởng, tác động.

- Về nhận định chung: Đề nghị bổ sung các đánh giá về hạn chế, khó khăn và những thách thức trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn (2011-2020) của các tỉnh có biển nói chung và các huyện ven biển nói riêng, đặc biệt là các huyện đảo.

2.3. Thực trạng tài nguyên, môi trường biển và ven biển.

- Về tài nguyên biển và ven biển: Đề nghị bổ sung các đánh giá về xu hướng biến động tăng (giảm) về các loại tài nguyên như: Nguồn lợi thủy, hải sản; các hệ sinh thái; đa dạng sinh học biển giai đoạn (2011-2020), trong đó phân tích các nguyên nhân làm tăng (giảm) về số lượng, chất lượng, từ đó làm cơ sở cho việc quy hoạch khai thác và sử dụng bền vững.

- Về tài nguyên khoáng sản: Đề nghị bổ sung đánh giá đầy đủ về trữ lượng các loại khoáng sản, khả năng hợp tác khai thác và đưa ra các khuyến nghị để sử dụng hiệu quả, tích kiệm và bảo vệ môi trường sinh thái biển.

- Về môi trường biển: Đề nghị bổ sung số liệu đánh giá biến động về suy giảm chất lượng đất, nước giai đoạn (2011-2020) do ảnh hưởng của xâm nhập mặn; bổ sung số liệu về ô nhiễm nước (nước mặt, nước ngầm) do các loại chất thải gây ra như: Rác thải nhựa, chất thải công nghiệp và sinh hoạt; bổ sung bảng tổng hợp số liệu về các trạm quan trắc môi trường, chuỗi số liệu quan trắc đất, nước, không khí làm cơ sở cho các khuyến nghị trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

3. Thực trạng sử dụng không gian biển

Đề nghị bổ sung đánh giá, làm rõ về thực trạng sử dụng không gian biển về khía cạnh “không gian biển” là một chỉnh thể thống nhất ở góc độ liên ngành, chứ không chỉ dừng lại ở cách tiếp cận và đánh giá của từng ngành, lĩnh vực như trong nội dung báo cáo.

4. Dự báo xu thế biến động, bối cảnh và các kịch bản phát triển

4.1. Xu thế biến động của các hệ sinh thái, đa dạng sinh học: Đề nghị bổ sung định nghĩa “(+) mức độ tác động từ các mối đe dọa” trong các bảng biểu, các kết luận đánh giá trong các bảng biểu, đề nghị bổ sung căn cứ hoặc là biểu tính điểm để đảm bảo tính khách quan; đề nghị rà soát và điều chỉnh đánh giá mức độ tác động từ các mối đe dọa đến hệ sinh thái biển theo các vùng kinh tế-xã hội hiện nay.

4.2. Xu thế biến động của nguồn lợi hải sản

Đề nghị bổ sung phân tích về xu thế biến động của nguồn lợi thủy sản theo quy định về phân vùng khai thác thủy sản tại khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản năm 2017, trong đó đề nghị làm rõ xu thế biến động về nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi làm căn cứ để xây dựng phương án bảo vệ và khai thác giai đoạn (2021-2030) cho hợp lý.

4.3. Xu thế biến động tài nguyên đất

Đề nghị bổ sung xu thế biến động các loại đất liên quan đến tình trạng mất đất theo các kịch bản BĐKH và nước biển dâng, cát hóa, sạt lở ven biển, xâm nhập mặn đối với đất nông nghiệp. Đây là nguồn số liệu cơ sở để đề xuất các phương án phân bổ không gian và phát triển các ngành, lĩnh vực trong thời kỳ quy hoạch (2021-2030).

4.4. Nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên

Nội dung trong phân tích, đánh giá đề nghị bám sát các kịch bản phát triển liên quan đến khai thác, sử dụng không gian biển (trang 190) để đảm bảo tính đồng bộ trong định hướng phát triển, đáp ứng nhu cầu về nguồn lực trong đầu tư cũng như tính khả thi của quy hoạch.

4.5. Kịch bản phát triển liên quan đến khai thác, sử dụng không gian biển

- Đề nghị rà soát bổ sung các nội dung của Nghị quyết, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực; cập nhật các kịch bản phát triển trong quy hoạch tổng thể quốc gia (đã được Chính phủ thông qua), từ đó làm căn cứ để xây dựng kịch bản liên quan đến khai thác, sử dụng không gian biển để đảm bảo tính khoa học, đồng bộ và thuận lợi trong quản lý, giám sát và thực hiện quy hoạch cho giai đoạn (2021-2030).

- Các kịch bản (03 kịch bản) liên quan đến khai thác, sử dụng không gian biển, trong Báo cáo quy hoạch phân tích còn sơ sài, chung chung, đề nghị bổ sung các nhận định, đánh giá các nội dung có liên quan của từng phương án theo các nội dung như đã phân tích tại Phần I. “Các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động đến sử dụng không gian biển” (trang 9) và Phần II. “Thực trạng sử dụng không gian biển” (trang 91).

- Lựa chọn phương án tăng trưởng trong Báo cáo Quy hoạch không gian biển quốc gia, đề nghị căn cứ vào phương án tăng trưởng của cả nước đã được lựa chọn trong dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được Chính phủ thông qua, phương án tăng trưởng của các vùng kinh tế-xã hội, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển, từ đó đưa ra phương án tăng trưởng trong báo cáo quy hoạch cho phù hợp.

4.6. Những lợi thế cạnh tranh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

Đề nghị bổ sung các phân tích, nhận định và đánh giá các tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý, địa chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện hữu, nguồn tài nguyên thiên nhiên dạng “tiềm năng, cơ hội”; về rủi ro, thách thức, những tác động trực tiếp, gián tiếp sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các việc khai thác, sử dụng không gian biển hiện nay. Đánh giá chung những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức” (trang 195) trong báo cáo mới chỉ dừng lại ở mức liệt kê, đề nghị đưa ra phương pháp phân tích ma trận, căn cứ kết quả phân tích (S-O; S-T; W-O; W-T) làm cơ sở lựa chọn phương án bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia Việt Nam.

5. Quan điểm và mục tiêu phát triển

- Các quan điểm trong báo cáo quy hoạch còn mang tính khái quát, chưa thể hiện rõ tính đặc thù, riêng biệt (đặc thù riêng của biển); do vậy, đề nghị xem xét, nghiên cứu để điều chỉnh lại quan điểm phát triển đảm bảo bám sát các yêu cầu đặt ra cho quy hoạch có tính đặc thù này.

- Đề nghị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp quan điểm thứ nhất “Bảo đảm tầm nhìn dài hạn, tổng thể, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam và Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới...” do đây là nguyên tắc lập quy hoạch, không phải quan điểm quy hoạch.

- Đề nghị bổ sung các quan điểm về sử dụng không gian biển, về khai thác không gian biển, về sử dụng bền vững tài nguyên biển và bảo vệ môi trường vùng bờ.

- Mục tiêu tổng quát về sử dụng không gian biển và khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi không gian biển, đề nghị bổ sung nội dung về cơ chế, thể chế trong quản lý, điều hành; tính liên kết, phối hợp và chia sẻ giữa các vùng biển.

- Mục tiêu cụ thể về sử dụng không gian biển và khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi không gian biển, đề nghị nghiên cứu bổ sung các chỉ tiêu cụ thể: Sử dụng không gian biển cho quốc phòng, an ninh; bảo tồn, bảo vệ các hệ sinh thái, đa dạng sinh học; phát triển các ngành kinh tế; phát triển đô thị; lấn biển và nhận chìm. Trong báo cáo đang đưa toàn bộ các chỉ tiêu từ Nghị quyết 36-NQ/TW (2018), những chỉ tiêu này chỉ là định hướng chiến lược, nhiệm vụ của quy hoạch không gian biển quốc gia là phải cụ thể hóa từ các chỉ tiêu này như: Chỉ tiêu “các ngành kinh tế thuần biển đóng góp 10%GDP của cả nước” đề nghị làm rõ trong 10% này thì đóng góp của các ngành chính trong “kinh tế thuần biển” là bao nhiêu..., từ đó làm cơ sở cho để xác định các chỉ tiêu có liên quan cho các quy hoạch cấp thấp hơn. Đề nghị cập nhật, bổ sung các chỉ tiêu có trong Đề án “Phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì (đã lấy ý kiến các Bộ ngành, địa phương có biển và các đơn vị liên quan thuộc Văn phòng Chính phủ).

- Các đột phá của quy hoạch, đề nghị điều chỉnh điểm đột phá thứ 02 “Cải thiện vượt bậc hệ thống kết cấu hạ tầng ven biển và trên các đảo, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có đủ khả năng sẵn sàng ứng phó các thảm họa, sự cố về môi trường vùng ven biển và biển; thực hiện lấn biển, xây dựng đảo nhân tạo mở rộng thêm không gian phát triển nhưng phải bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường, quốc phòng an ninh” thành “Tăng cường đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng ven biển và trên các đảo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có đủ khả năng sẵn sàng ứng phó các thảm họa, sự cố về môi trường vùng ven biển và biển; thực hiện lấn biển, xây dựng đảo nhân tạo mở rộng thêm không gian phát triển để phù hợp với định hướng phát triển của đất nước giai đoạn (2021-2030)”. Đề nghị bổ sung

điểm đột phá thứ 03 “Đầu tư mạnh mẽ cho nhân lực và khoa học công nghệ biển, trọng tâm là nhân lực cho các ngành kinh tế biển, nhân lực cho quản lý biển và khoa học điều tra cơ bản” thành “Đầu tư mạnh mẽ cho nhân lực và khoa học công nghệ biển; trọng tâm là nhân lực cho các ngành kinh tế biển, nhân lực cho quản lý biển và khoa học điều tra cơ bản; khoa học công nghệ về quản lý, khai thác, bảo tồn tài nguyên biển”.

6. Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam

- Đề nghị bổ sung nội dung xác định các xung đột giữa các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội trong phạm vi không gian biển.

- Đối với vùng không gian biển sử dụng ưu tiên cho mục đích phát triển các ngành kinh tế biển:

+ Trong lĩnh vực khai thác dầu khí, đề nghị nghiên cứu, bổ sung vị trí phân bố các nguồn năng lượng như: khí sét, khí đá phiến và băng cháy; bổ sung khu vực ưu tiên việc xuất nhập khẩu, kết nối năng lượng giữa Việt Nam và các nước lân cận (Malaysia, Indonesia...).

+ Về lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng gió ngoài khơi: Đề nghị rà soát, cập nhật cho phù hợp với Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Bổ sung nội dung khai thác khoáng sản lòng đất dưới đáy biển ngoài vùng ven bờ thuộc phạm vi vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

- Đề nghị bổ sung định hướng sử dụng không gian biển đối với vùng nước lịch sử theo hiệp định giữa Việt Nam-Campuchia ký ngày 07/7/1982 (trong trường hợp 02 bên phân định rõ được ranh giới trên biển đến năm 2030) và khu vực chồng lấn giữa Việt Nam và Malaysia (trong trường hợp việc hợp tác khai thác dầu khí giữa 02 nước chấm dứt tại khu vực Lô PM3-CAA năm 2030).

- Đối với nội dung sắp xếp và tổ chức không gian phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội đề nghị:

+ Bổ sung nội dung sắp xếp và tổ chức không gian kết cấu hạ tầng kỹ thuật gồm: Hạ tầng kỹ thuật giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không); hạ tầng kỹ thuật cấp điện; hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước; hạ tầng thủy lợi và phòng chống lụt bão.

+ Bổ sung nội dung sắp xếp và tổ chức không gian kết cấu hạ tầng xã hội (y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao...).

+ Bổ sung hệ thống kết cấu hạ tầng cho mục đích phát triển thương mại.

+ Rà soát, bổ sung nội dung sắp xếp và tổ chức không gian phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội trên các đảo và quần đảo.

7. Phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.

- Đối với nội dung “Xác định các khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường...” đề nghị bổ sung nội dung về khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho các thiết bị và công trình trên biển. Tại nội dung này, đề nghị nghiên cứu, đưa ra các định hướng và số liệu tổng hợp, trong đó có phân tích, đánh giá phương án phân vùng sử dụng. Các số liệu thống kê chi tiết các tiểu vùng, khu vực cho ra phần phụ biểu.

- Đề nghị rà soát, kiểm tra số liệu và bản đồ tại nội dung “Vùng dễ bị tổn thương và khai thác có điều kiện” các số liệu tại bảng “Các khu vực biển có thể khai thác, sử dụng nhưng phải được Bộ Quốc phòng cho phép” (trang 251) và số liệu tại bảng “Các khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn” (trang 252) khác nhau, nhưng bản đồ bản đồ thể hiện nội dung tại (trang 254 và trang 255) giống nhau. Đề nghị bổ sung nội dung đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ.

- Đề nghị bổ sung nội dung phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, các đảo và quần đảo.

8. Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Đối với các giải pháp, báo cáo mới đề cập chung chung, chưa nêu rõ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn, khoa học cụ thể, đề nghị bổ sung làm rõ.

- Đối với giải pháp huy động nguồn lực: Theo dự thảo Quy hoạch, tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện quy hoạch đến năm 2030 khoảng 23 triệu tỷ đồng, nguồn vốn là rất lớn được huy động từ NSNN, vốn của doanh nghiệp, hộ tư nhân, vốn đầu tư từ nước ngoài. Do đó, đề nghị nghiên cứu, rà soát đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn NSNN phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ NSNN theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn hằng năm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

9. Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện

- Đề nghị rà soát bổ sung xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư và luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng cấp quốc gia trong phạm vi không gian biển, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án theo hệ thống tiêu chí đã xác định, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

- Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh thời gian thực hiện các dự án cho phù hợp, rất nhiều dự án trong báo cáo quy hoạch dự kiến thời gian thực hiện năm 2022, với khung thời gian đưa ra là rất gấp (nay đã là tháng 10 năm 2022), trong khi đó các yếu tố đảm bảo tính khả thi chưa có hoặc chưa rõ (Quy hoạch chưa được phê duyệt, nguồn vốn đầu tư chưa rõ, chưa xác định được cơ quan chủ trì...).

- Đề nghị bổ sung các dự án thuộc ngành, lĩnh vực: Phòng chống thiên tai ứng phó đối với biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội để nâng cao đời sống của người dân ven biển; dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại các đảo để di dân ra sinh sống; dự án xây dựng các đội tàu thuyền đánh bắt xa bờ để vừa nâng cao đời sống, vừa đảm bảo quốc phòng, an ninh lãnh thổ.

10. Bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch

- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch cung cấp đầy đủ số lượng, phân loại bản đồ, tỷ lệ bản đồ theo quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu trước khi trình thẩm định theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch.

III. VỀ QUY TRÌNH VÀ TÍCH HỢP NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch

Báo cáo quy hoạch không gian biển quốc gia chưa thể hiện sự phối hợp và quy trình trong quá trình lập quy hoạch. Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Quy hoạch, một trong các nội dung thẩm định quy hoạch là thẩm định "việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch". Do vậy, đề nghị xem xét, bổ sung nội dung về quy trình lập quy hoạch không gian biển quốc gia trong báo cáo quy hoạch hoặc thể hiện dưới hình thức một văn bản riêng khi trình thẩm định.

2. Về tích hợp nội dung quy hoạch

- Luật Quy hoạch chú trọng đến việc sắp xếp, bố trí không gian phát triển; nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia tập trung vào xác định việc phân vùng chức năng, sắp xếp, phân bổ và tổ chức không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam. Do vậy, để xây dựng được phương án bố trí sử dụng không gian các hoạt động, phân vùng sử dụng trong thời kỳ quy hoạch thì việc đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh tác động và thực trạng sử dụng không gian các hoạt động trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam phù hợp hay chưa phù hợp với không gian phát triển hiện có là rất cần thiết. Tuy nhiên, đa số các nội dung trong Báo cáo mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá hiện trạng, mà chưa đánh giá được sự phù hợp, hạn chế về sự phân bố không gian. Đề nghị xem xét, sử dụng các công cụ phân tích không gian để đánh giá cấu trúc phát triển hiện có theo phân vùng sử dụng, nhằm đề ra định hướng phát triển của các vùng ưu tiên, vùng còn gặp khó khăn, vùng cần bảo vệ đặc biệt, vùng dễ bị tổn thương..., và định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành, lãnh thổ cho phù hợp.

- Báo cáo quy hoạch không gian biển quốc gia về cơ bản đã xem xét đến tính hợp lý, logic giữa các nội dung đề xuất; việc tích hợp các nội dung đề xuất vào báo cáo quy hoạch đã hướng tới mục tiêu phát triển hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực và lãnh thổ gắn với quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển; các

nội dung trong quy hoạch đảm bảo tính thống nhất và không có sự mâu thuẫn. Tuy nhiên, cần rà soát để đảm bảo có sự phù hợp giữa quan điểm, mục tiêu phát triển, bố trí không gian phát triển và giải pháp thực hiện quy hoạch; xem xét bổ sung một số nội dung còn thiếu cần tích hợp vào định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong phạm vi không gian biển Việt Nam thời kỳ (2021-2030) đảm bảo tính khái quát cao, nhưng vẫn đầy đủ các nội dung cơ bản phục vụ cho công tác quản lý và đủ điều kiện để triển khai quy hoạch tỉnh, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sau khi quy hoạch không gian biển quốc gia được phê duyệt.

IV. KIẾN NGHỊ

Thực hiện Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 760/TTg-CN ngày 31/8/2022 về kế hoạch và tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030. Để đảm bảo tiến độ và chất lượng quy hoạch đề nghị:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp chặt chẽ với các Bộ được giao lập các quy hoạch cấp quốc gia để rà soát các định hướng, mục tiêu phát triển, phân vùng sử dụng liên quan đến không gian biển cho phù hợp và thống nhất với các quy hoạch cấp quốc gia đang được triển khai lập, nhất là quy hoạch tổng thể quốc gia, một số quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt hoặc đang trong quá trình hoàn thiện quy hoạch sau thẩm định.

b) Tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ quy hoạch không gian biển quốc gia theo ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tỉnh liên quan.

c) Rà soát thứ tự đề mục, chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật, lỗi chính tả và cách trình bày trong báo cáo quy hoạch; các số liệu về đánh giá hiện trạng cần thống nhất việc sử dụng mốc thời gian thống kê để làm cơ sở cho phần dự báo đến năm 2030. Nhiều nội dung trong báo cáo còn quá dài và chi tiết, không phù hợp với mức độ khái quát của một báo cáo thuyết minh tổng hợp; do vậy, đề nghị lược bỏ hoặc đưa vào phụ lục các nội dung không cần thiết để đảm bảo tính cân đối và mức độ đề cập của toàn bộ báo cáo. Đồng thời xem xét, rà soát toàn bộ dự thảo báo cáo quy hoạch để chỉnh lý lỗi diễn đạt đảm bảo ngắn gọn, chính xác.

2. Đối với cơ sở dữ liệu về Quy hoạch không gian biển

Để đảm bảo tính liên tục, đồng bộ thì hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch cần phải được xây dựng, hoàn thiện trước khi trình thẩm định và trình phê duyệt theo quy định khoản 1 Điều 31 và khoản 8 Điều 35 của Luật Quy hoạch và quy định tại Chương V của Nghị định 37/2019/NĐ-CP. Cơ sở dữ liệu về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi hoàn thành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cùng với Hồ sơ kèm theo sẽ

cung cấp, cập nhật vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại Điều 41 của Luật Quy hoạch và Chương V của Nghị định 37/2019/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, tổng hợp./. *ve*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, QLQH (CVT) *2*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phung.
Trần Quốc Phương